

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 450/2026/DS- ST.

Ngày: 19/08/2026.

*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Hương Giang.**
- Các Hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Văn Tuất.**  
**Ông Nguyễn Văn Hành.**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Từ Ngọc Thúy** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2026/TLST- DS ngày 04/03/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty cổ phần J1 (tên cũ là Công ty cổ phần J1).**

Trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Đ – theo Văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29/08/2025 của Tổng Giám đốc Jupiter; Giấy ủy quyền số 1605/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 04/05/2026 của Trưởng phòng xử lý nợ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Bi đơn: Ông Phạm Văn D**, sinh năm 1961. Vắng mặt.

CMND số: 001061001681.

Nơi cư trú: Khu C, xã T, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP V (V1).**  
Vắng mặt.

Trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Công ty Cổ phần J1 (sau đây gọi là J) trình bày:

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024; Hợp đồng chuyển nhượng số 16/2024/ VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi là V1) với Công ty cổ phần J1 (nay là Công ty Cổ phần J1) của khách hàng vay ông Phạm Văn D, CMND số: 001061001681 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/09/2014 bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các

Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Văn D đã ký kết với V1. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8633075 ngày 10/08/2016:

Số tiền vay: 86.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 72 tháng;

Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô tải TMT TT1205T mới 100%;

- Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 13/05/2016 (Sau đây gọi là: LD1614000663):

Số tiền vay: 24.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 60 tháng;

Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 04/08/2016 (Sau đây gọi là: 324-P-7365256):

Số tiền vay: 39.000.000 đồng;

Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng.

*Tạm tính đến ngày 19/08/2026, ông Phạm Văn D còn nợ số tiền là:*

Nợ gốc: 141.464.405 đồng;

Lãi trong hạn: 51.616.291 đồng;

Lãi quá hạn: 2.152.084.618 đồng;

Tổng: 2.346.816.943 đồng.

- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12.5%/năm. (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm).

Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: [www.V1.com.vn](http://www.V1.com.vn)) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4.5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

*Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT TT 1105T, số khung 108TF1A00049, số máy I05FUYS56013. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 29H-027.48 do Phòng C công an thành phố H cấp, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Văn D.*

Những yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Phạm Văn D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J1 AMC toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số 8633075 ngày 10/08/2016, Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 13/05/2016, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 04/08/2016, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng kèm theo, tạm tính đến ngày 19/08/2026, tổng số tiền còn nợ là: 2.346.816.943 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 141.464.405 đồng; Lãi trong hạn: 51.616.291 đồng; Lãi quá hạn: 2.152.084.618 đồng.

- Tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Phạm Văn D thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần J1.

- Công ty Cổ phần J1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần J1, cụ thể như sau:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT TT 1105T, số khung 108TF1A00049, số máy I05FUYS56013. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 29H-027.48 do Phòng Công an thành phố H cấp, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Văn D.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông D có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Công ty Cổ phần J1.

Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4826915 ngày 12/10/2015 ông Phạm Văn D đã ký với V1, sau khi xem xét, đánh giá lại hồ sơ tín dụng của khách hàng, Công ty Cổ phần J1 đã rút yêu cầu đề nghị thanh toán đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn – ông Phạm Văn D trình bày:

Ông D xác nhận có ký các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 8633075 ngày 10/08/2016, Hợp đồng tín dụng số 4826915 ngày 12/10/2015, Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 13/05/2016, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 04/08/2016. Số tiền vay, mục đích vay, lãi suất, thời hạn như nguyên đơn đã trình bày trên.

Về phần tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT TT 1105T, số khung 108TF1A00049, số máy I05FUYS56013, BKS: 29H-027.48, chiếc xe ô tô nêu trên ông D đã bị mất cách đây khoảng 10 năm, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ mất ở đâu. Thời điểm đó do xe không có giấy tờ nên ông D đã không trình báo công an về việc mất chiếc xe.

Số tiền gốc nguyên đơn đã trình bày ông không đồng ý. Ông cho rằng số tiền Ngân hàng đấu giá căn hộ chung cư là tài sản bảo đảm cho khoản vay trước đây đã đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện ông không có tài liệu chứng cứ để cung cấp, ông sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

**Tại phiên toà:**

Nguyên đơn - Công ty Cổ phần J1 do ông Nguyễn Quang Đ đại diện hợp pháp trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Văn D, ông D phải thanh toán cho J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Văn D đã ký kết với V1 tính đến ngày 19/08/2026 là: 2.346.816.943 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 141.464.405 đồng;
- Lãi trong hạn: 51.616.291 đồng;
- Lãi quá hạn: 2.152.084.618 đồng;
- Tổng: 2.346.816.943 đồng.

Ông D phải tiếp tục trả tiền lãi, phí kể từ ngày 20/08/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong trường hợp ông D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần J1, Công ty có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phạt mại tài sản bảo đảm, cụ thể:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT TT 1105T, số khung 108TF1A00049, số máy I05FUYS56013. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 29H-027.48 do Phòng C công an thành phố H cấp, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Văn D. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Công ty Cổ phần J1.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông D có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Công ty Cổ phần J1.

Nguyên đơn rút yêu cầu đề nghị ông D thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4826915 ngày 12/10/2015 ông Phạm Văn D đã ký với V1.

Về phía bị đơn – ông Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã công bố ý kiến, lời khai của ông D và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng TMCP V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án. Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, đã hoãn phiên tòa xét xử vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 12/08/2026 theo quy định của pháp luật và mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 19/08/2026.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thể hiện quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt

nhiều lần không rõ lý do nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần J1 buộc ông Phạm Văn D phải thanh toán trả Jupiter tổng số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Văn D đã ký kết với V1 tính đến ngày 19/08/2026 là: 2.346.816.943 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 141.464.405 đồng;
- Lãi trong hạn: 51.616.291 đồng;
- Lãi quá hạn: 2.152.084.618 đồng;

Tổng: 2.346.816.943 đồng.

Trường hợp bên vay không trả được nợ, thì Công ty Cổ phần J1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần J1 đối với ông Phạm Văn D về yêu cầu thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số 4826915 ngày 12/10/2015.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 - Bộ Luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn D có khai nơi cư trú: Khu C, xã T, thành phố Hà Nội, căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 – Bộ Luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[3] Về tố tụng: Bị đơn – ông Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng TMCP V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án. Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, đã hoãn phiên toà xét xử vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 12/08/2026 theo quy định của pháp luật và mở lại phiên toà vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 19/08/2026.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024; Hợp đồng chuyển nhượng số 16/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công Ty Cổ Phần J1 của khách

hàng vay ông Phạm Văn D bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Văn D đã ký kết với V1. Hợp đồng mua bán nợ được ký kết đúng quy định của pháp luật, giữa các bên mua và bán không có tranh chấp gì. Do vậy xác định hợp đồng mua bán nợ là hợp pháp.

Ông Phạm Văn D đã ký với Ngân hàng TMCP V (V1) các Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cho vay, cụ thể :

- Hợp đồng tín dụng số 8633075 ngày 10/08/2016:

Số tiền vay: 86.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 72 tháng;

Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô tải TMT TT1205T mới 100%;

- Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 13/05/2016 (Sau đây gọi là: LD1614000663):

Số tiền vay: 24.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 60 tháng;

Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 04/08/2016 (Sau đây gọi là: 324-P-7365256):

Số tiền vay: 39.000.000 đồng;

Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng.

Các hợp đồng nêu trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ theo quy định, bị đơn – ông Phạm Văn D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và Công ty J1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký. Việc Công ty Cổ phần J1 yêu cầu ông D trả nợ gồm nợ gốc và lãi là phù hợp với các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo đó Công ty Cổ phần J1 đề nghị ông D phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty T đến ngày 19/08/2026 là: 2.346.816.943 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 141.464.405 đồng;

- Lãi trong hạn: 51.616.291 đồng;

- Lãi quá hạn: 2.152.084.618 đồng;

Tổng: 2.346.816.943 đồng.

Kể từ ngày 20/08/2026, ông D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng

cho vay theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi của ngân hàng cho vay.

Qua xem xét, việc tính lãi của Công ty P với mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên được chấp nhận.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/05/2026 của Tòa án thì thấy: Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT TT 1105T, số khung 108TF1A00049, số máy I05FUYS56013. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 29H-027.48 do Phòng C công an thành phố H cấp, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Văn D để đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của ông D đối với Công ty Cổ phần J1 hiện tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh. Tuy nhiên, tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ông D trình bày chiếc xe ô tô nêu trên đã bị mất cách đây khoảng 10 năm, ông D không nhớ cụ thể mất ở đâu, vì xe không có giấy tờ nên ông D đã không trình báo việc mất xe với công an nên ông D không thể mang chiếc xe ô tô nêu trên đến Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội để Hội đồng xem xét nên không xác định được hiện trạng hiện tại của chiếc xe ô tô so với thời điểm ký Hợp đồng.

Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định, để đảm bảo cho khoản vay tại V1. Do vậy Hợp đồng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay thể hiện ý chí của các bên tham gia giao kết không trái với quy định của pháp luật, nên buộc các bên phải thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Căn cứ Điều 319, 320, 321, 322, 323, 368 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Cổ phần J1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các văn bản tín dụng đã ký kết giữa các bên là phù hợp với các quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

Trường hợp số tiền thu được từ phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ số tiền nợ, ông Phạm Văn D phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần J1 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng số 4826915 ngày 12/10/2015. Ngày 16 tháng 6 năm 2026, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng số 4826915 ngày 12/10/2015. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị đơn – Ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các khoản 3 Điều 26, Điều 35; 39, 48, 49, 51, 58, 207, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 119, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Luật các tổ chức tín dụng;

Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần J1 đối với ông Phạm Văn D.

Buộc ông Phạm Văn D phải trả cho Công ty Cổ phần J1 AMC toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, phí theo các Hợp đồng tín dụng số 8633075 ngày 10/08/2016, Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 13/05/2016, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 04/08/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 19/08/2026 là: 2.346.816.943 đồng, bao gồm: nợ gốc là 141.464.405 đồng; lãi trong hạn là 51.616.291 đồng; lãi quá hạn là 2.152.084.618 đồng.

2. Kể từ ngày 20/08/2026, ông Phạm Văn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 8633075 ngày 10/08/2016, Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 13/05/2016, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm ngày 04/08/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi của ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Công ty Cổ phần J1 toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty Cổ phần J1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT TT 1105T, số khung 108TF1A00049, số máy I05FUYS56013. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 29H-027.48 do Phòng Cảnh sát giao thông thành phố H cấp, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Văn D.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông D có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Công ty J1.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần J1 đối với ông Phạm Văn D về yêu cầu thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số 4826915 ngày 12/10/2015.

6. Về án phí: Ông Phạm Văn D được miễn án phí.

Hoàn trả Công ty Cổ phần J1 số tiền tạm ứng án phí 39.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005034 ngày 04/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

7. Quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần J1, ông Phạm Văn D, Ngân hàng TMCP V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

8. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hương Giang**